

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội (viết tắt là Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố), trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 304/TTr-SXD ngày 04/7/2026, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách về phát triển vận tải; hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Phân công rõ trách nhiệm, tiến độ thực hiện xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về thủ tục, quy trình áp dụng các cơ chế chính sách đã được nêu trong Nghị quyết đối với các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan đảm bảo thiết thực, khả thi và hiệu quả; mỗi nhiệm vụ do một cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chính; cơ quan phối hợp phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công, không đùn đẩy, không bỏ sót việc.

3. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ phải đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp khả năng cân đối ngân sách Thành phố và huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách.

4. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đầy đủ nội dung Nghị quyết và Kế hoạch này, nhất là các chính sách có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện và sự đồng thuận xã hội.

5. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND Thành phố theo quy định; đồng thời chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định của pháp luật.

6. Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này phải bảo đảm kế thừa, lồng ghép các nhiệm vụ còn phù hợp đã được UBND Thành phố giao tại Kế hoạch số 330/KH-

UBND ngày 07/12/2025 và Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017; đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

Các cấp, các ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm được đầy đủ nội dung cũng như tiếp cận các cơ chế chính sách đã được đề cập trong Nghị quyết.

Công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, cổng/trang thông tin điện tử của các sở, ngành, xã, phường; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội chính thống, hệ thống thông tin cơ sở, tại các bến xe, nhà ga đường sắt, điểm bán vé, bến bãi, điểm trung chuyển, khu dân cư và các địa điểm phù hợp.

Đối với các giải pháp hạn chế phương tiện cá nhân, thu phí giảm ùn tắc giao thông và tổ chức lại giao thông, việc truyền thông phải được thực hiện sớm, minh bạch về mục tiêu, lộ trình, phạm vi, điều kiện áp dụng và phương án thay thế bằng vận tải công cộng.

2. Rà soát, xây dựng và ban hành văn bản cụ thể hóa quy trình, thủ tục thực hiện chính sách.

Tổ chức rà soát toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy định quản lý, quy trình thực hiện thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố liên quan đến lĩnh vực vận tải, logistics và tổ chức giao thông; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật và các nội dung của Nghị quyết.

Chủ động nghiên cứu, tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, quy chế phối hợp và văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền nhằm triển khai đầy đủ các chính sách về phát triển vận tải hành khách công cộng, phát triển logistics đô thị, giao thông xanh, chuyển đổi số, quản lý nhu cầu giao thông và các chính sách hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, ủy quyền gắn với kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực vận tải.

3. Nghiên cứu xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung của Nghị quyết, các sở, ban, ngành chủ trì xây dựng hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch, phương án và dự án để tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch chung Thủ đô và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

Việc xây dựng các chương trình, đề án và dự án phải xác định rõ mục tiêu, lộ trình, nguồn lực, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, tránh chồng chéo và phù hợp với khả năng

cân đối nguồn lực của Thành phố.

4. Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng.

Tập trung triển khai các chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết; ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, nâng cao chất lượng dịch vụ xe buýt, tăng cường kết nối giữa đường sắt đô thị với xe buýt và các loại hình vận tải khác, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với hệ thống vận tải công cộng.

Rà soát, đầu tư, nâng cấp hệ thống điểm đầu cuối, điểm trung chuyển, điểm dừng đỗ, nhà chờ xe buýt và các công trình hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng; triển khai lộ trình chuyển đổi phương tiện sử dụng điện và năng lượng sạch; thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư, trợ giá, ưu đãi sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng theo quy định của Nghị quyết.

Thực hiện chuyển đổi phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đang sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh theo Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 28/5/2025 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố; sử dụng phương tiện năng lượng sạch, xanh, thân thiện với môi trường khi mở mới các tuyến buýt.

Xây dựng lộ trình nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác và giảm dần phụ thuộc trợ giá từ ngân sách nhà nước; việc trợ giá phải gắn với sản lượng, chất lượng dịch vụ, hiệu quả vận hành, công khai, minh bạch và bảo đảm an sinh xã hội.

5. Phát triển các loại hình vận tải hành khách khác.

Rà soát, phát triển hệ thống bến xe khách liên tỉnh mới kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị, bãi đỗ xe trung chuyển, bến xe buýt thành các trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức phù hợp quy hoạch.

Rà soát, bố trí điểm đón, trả khách đối với xe taxi, xe hợp đồng dưới 08 chỗ (không kể chỗ người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử; bố trí vị trí đỗ đối với xe đạp công cộng, xe đạp điện công cộng, xe máy điện công cộng và các loại hình vận tải kết nối tại các khu vực, vị trí đủ điều kiện hạ tầng, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển hệ sinh thái vận tải số, ứng dụng đặt xe, đặt vé, thanh toán điện tử liên thông, nền tảng quản lý vận tải đa phương thức; nghiên cứu, thí điểm các loại hình vận tải ứng dụng công nghệ cao, phương tiện vận tải mới và các giải pháp giao thông thông minh theo quy định.

6. Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải phù hợp với từng loại hình vận tải; tổ chức đánh giá, công bố chất lượng dịch vụ vận tải trên địa bàn Thành phố.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải; khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công

nghệ trong hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và logistics.

7. Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị.

Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị theo hướng hiện đại, hiệu quả, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao năng lực kết nối giữa các phương thức vận tải, giảm chi phí logistics và góp phần giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải khí nhà kính.

Rà soát, bố trí quỹ đất phát triển hệ thống trung tâm logistics, cảng cạn (ICD), kho bãi, kho lạnh, kho thông minh theo quy hoạch; xây dựng mạng lưới trung chuyển hàng hóa, phát triển các mô hình giao nhận hàng hóa không tiếp xúc và ưu tiên phương tiện sử dụng năng lượng sạch trong hoạt động vận tải hàng hóa theo quy định của Nghị quyết.

8. Tổ chức thực hiện các giải pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân.

Nghiên cứu, xây dựng lộ trình triển khai các giải pháp quản lý nhu cầu giao thông, phân vùng hoạt động của phương tiện cơ giới đường bộ, thí điểm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân và các biện pháp kinh tế nhằm giảm ùn tắc giao thông theo Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND và quy định của pháp luật; bảo đảm kế thừa, lồng ghép với các nhiệm vụ đã được UBND Thành phố giao tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025 về triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo và Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017 thực hiện Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 04/7/2017 của HĐND Thành phố về việc thông qua Đề án “Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2017-2020 tầm nhìn 2030”.

Việc triển khai các giải pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân phải được thực hiện theo lộ trình phù hợp, trên cơ sở đánh giá đầy đủ điều kiện hạ tầng, năng lực đáp ứng của hệ thống vận tải hành khách công cộng, tác động kinh tế - xã hội và bảo đảm sự đồng thuận của người dân.

9. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

Chủ động cân đối, bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; đồng thời huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp từ đầu tư công, hợp tác công tư (PPP), vốn ODA, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ, chương trình và dự án thuộc Kế hoạch.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn lực phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, có tác động trực tiếp đến phát triển vận tải công cộng, logistics, giao thông xanh và chuyển đổi số.

10. Kiểm tra, theo dõi, sơ kết và tổng kết.

Các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền

xem xét, giải quyết đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch; đánh giá kết quả thực hiện trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ và sản phẩm đầu ra; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn. Các nhiệm vụ cụ thể, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn thực hiện và sản phẩm đầu ra được xác định tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

III. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng:

Là cơ quan thường trực giúp UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

Chủ trì, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hằng năm, báo cáo sơ kết, tổng kết Nghị quyết; tham mưu UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành Thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thuộc lĩnh vực quản lý; tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch; phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện.

Chủ động rà soát, tham mưu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn; bố trí nguồn lực, lồng ghép các chương trình, đề án và dự án thuộc phạm vi quản lý để triển khai hiệu quả các chính sách của Nghị quyết.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan trong quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông, bố trí điểm dừng, đỗ, điểm trung chuyển, điểm đón trả khách, điểm đặt phương tiện công cộng và các nội dung liên quan trên địa bàn.

Chủ động theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện tại địa phương; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

4. Các doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động, chủ động phối hợp với

các cơ quan nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách của Nghị quyết; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, điều kiện của chính sách hỗ trợ và trách nhiệm về chất lượng dịch vụ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, công khai, minh bạch thông tin theo quy định; tích cực tham gia đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, dịch vụ vận tải, logistics, giao thông xanh và chuyển đổi số theo quy định.

5. Chế độ báo cáo:

Các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện và định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

6. Tổ chức thực hiện:

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Các nhiệm vụ cụ thể, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn thực hiện và sản phẩm đầu ra được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp, đơn vị liên quan;
- VPUBND TP: CVP, các PCVP;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT, ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Việt Dũng

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm đầu ra
1	Bảo đảm quỹ đất đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng vận tải hành khách công cộng, bao gồm đề pô, trạm trung chuyển, ga đường sắt đô thị, nhà chờ, điểm dừng đỗ, làn đường ưu tiên và các công trình phụ trợ phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng và các phương thức vận tải khác, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ; <i>(Kế thừa về phát triển hạ tầng vận tải hành khách công cộng, điểm đầu cuối, huy động nguồn lực đầu tư nhiệm vụ số 17, 18, 35 Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017; lồng ghép với nhóm nhiệm vụ phát triển vận tải hành khách công cộng tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025)</i>	Điểm a khoản 1 Điều 4	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Báo cáo tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu
2	Thực hiện các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả của hệ thống hạ tầng giao thông hiện có để cải thiện tình hình giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông, trong đó cần ưu tiên về tổ chức giao thông đối với hoạt động xe buýt nhằm đảm bảo lưu hành thông suốt, thuận tiện, an toàn cho hành khách. <i>(Lồng ghép với nhóm các giải pháp nhằm giảm thiểu ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025).</i>	Điểm b khoản 1 Điều 4	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu
3	Tổ chức các loại hình vận tải kết nối chặng đầu - chặng cuối, kết nối các phương thức, loại hình vận tải trong đô thị; phát triển xe đạp công cộng, xe đạp điện công cộng, xe máy điện công cộng và các loại hình vận tải kết nối phù hợp điều kiện hạ tầng, đảm bảo trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông, mỹ quan đô thị. <i>(Kế thừa và mở rộng nhiệm vụ số 17, 18 Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017 về tổ chức</i>	Điểm c khoản 1 Điều 4; khoản 3 Điều 5	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu

STT	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm đầu ra
	<i>mạng lưới vận tải hành khách công cộng và kết nối các điểm đầu cuối, điểm trung chuyển; lồng ghép với nhóm nhiệm vụ giao thông chia sẻ, giao thông phi cơ giới, vận tải kết nối tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025).</i>					
4	Chuẩn hóa các điểm đầu cuối, điểm dừng xe buýt, nhà chờ đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, thông tin để hành khách dễ dàng tiếp cận. (<i>Kế thừa nhiệm vụ số 18 Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017).</i>)	Điểm c khoản 1 Điều 4	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026-2027	Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu
5	Triển khai lộ trình chuyển đổi phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sang sử dụng điện, năng lượng xanh; khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chuyển đổi từ phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh; khi mở mới tuyến buýt, ưu tiên sử dụng phương tiện năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường. (<i>Thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 28/5/2025 của UBND Thành phố</i>)	Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; Sở Tài chính; Sở Công Thương; các doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026-2030	Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu
6	Thông qua các quyết định phê duyệt đặt hàng hoặc đấu thầu các tuyến buýt có trợ giá để triển khai thực hiện ngay việc ngân sách thành phố hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, phí cầu đường, bến bãi, bảo hiểm hành khách thu hộ đối với các phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn.	Điểm a khoản 3 Điều 4	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Các Doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng	Nhiệm vụ thường xuyên	Quyết định đặt hàng/đấu thầu hoặc văn bản có liên quan
7	Rà soát, tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn thủ tục, quy trình để thực hiện chính sách tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 71/2026/NQ-HĐND “Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% tiền thuế nhập khẩu các thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn đối với các thiết bị, phương tiện trong nước chưa sản xuất được hoặc trong nước đã sản xuất nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường”.	Điểm b khoản 3 Điều 4	Sở Tài chính	Thuế thành phố Hà Nội; Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; Các Doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Văn bản hướng dẫn/Quyết định theo thẩm quyền

STT	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm đầu ra
8	Rà soát, tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn thủ tục, quy trình để thực hiện chính sách tại điểm c khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 71/2026/NQ-HĐND “Ngân sách Thành phố hỗ trợ 70% tiền lãi vay ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố với toàn bộ giá trị hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn (tối đa không quá 10 năm) theo dự án đối với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn và các doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố đầu tư mua sắm xe buýt điện, năng lượng xanh và hệ thống hạ tầng (trạm biến áp, trạm sạc, trạm nạp khí) phục vụ xe buýt điện, năng lượng xanh theo từng dự án của doanh nghiệp nằm trong danh sách hỗ trợ lãi suất đã được UBND Thành phố phê duyệt”.	Điểm c khoản 3 Điều 4	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Quỹ đầu tư phát triển Thành phố; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026	Quyết định theo thẩm quyền
9	Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác, giảm dần phụ thuộc trợ giá từ ngân sách nhà nước, trong đó gắn với sản lượng, chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, bảo đảm công khai, minh bạch; thực hiện lộ trình giảm dần trợ giá phù hợp với điều kiện phát triển của hệ thống vận tải hành khách công cộng và bảo đảm an sinh xã hội.	Khoản 4 Điều 4	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Kế hoạch/Báo cáo kết quả thực hiện hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu
10	Rà soát sửa đổi, cập nhật và bổ sung các Quyết định, văn bản hướng dẫn của Thành phố liên quan đến chính sách miễn tiền vé, hỗ trợ giá vé cho các đối tượng sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. Đề cập nhật thực hiện các chính sách: - Thành phố miễn tiền vé đối với người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo; - Hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp; - Hỗ trợ 100% giá vé trong 15 ngày đầu kể từ khi các tuyến đường sắt đô thị bắt đầu khai thác vận hành thương mại.	Khoản 5 Điều 4	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Quyết định/văn bản sửa đổi, bổ sung chính sách miễn, hỗ trợ giá vé hoặc báo cáo kết quả rà soát
11	Triển khai kế hoạch phát triển taxi, xe hợp đồng và các loại hình	Khoản 2,	Sở Xây	Công an Thành	Nhiệm vụ	Báo cáo kết quả

STT	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm đầu ra
	vận tải kết nối. Bố trí điểm đón, trả khách phù hợp cho taxi và xe hợp đồng dưới 08 chỗ (không kể chỗ người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử. <i>(Kế thừa một phần nhiệm vụ số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017; đồng thời mở rộng phạm vi phát triển taxi, xe hợp đồng và các loại hình vận tải kết nối)</i>	Điều 5	dựng	phố; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị liên quan	thường xuyên	thực hiện hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu/Danh mục điểm đón, trả khách
12	Triển khai các giải pháp phát triển hệ sinh thái vận tải số; thúc đẩy ứng dụng tích hợp đặt xe, đặt vé, thanh toán điện tử liên thông; phát triển nền tảng quản lý vận tải đa phương thức và hệ thống thông tin hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ vận tải theo quy định của Nghị quyết. <i>(Lồng ghép với nhóm nhiệm vụ giao thông thông minh, chuyển đổi số tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025).</i>	Khoản 6 Điều 5	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả thực hiện
13	Rà soát, sửa đổi, bổ sung “Bộ tiêu chí quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội”, trong đó có bổ sung thêm loại hình vận tải hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị.	Khoản 1 Điều 6	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2027	Quyết định
14	Xây dựng “Bộ tiêu chí quản lý chất lượng dịch vụ vận tải đối với loại hình vận tải xe taxi, xe hợp đồng dưới 08 chỗ (không kể chỗ người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử”.	Khoản 1 Điều 6	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	2026-2027	Quyết định
15	Xây dựng phần mềm công nghệ đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải cho từng loại hình vận tải, đảm bảo thực hiện theo quy trình, thủ tục về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.	Điều 6	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2027	Báo cáo đề xuất/đề án/nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin; phần mềm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
16	Rà soát quỹ đất phát triển logistics, kho bãi và trung tâm trung chuyển.	Khoản 2 Điều 7	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các	2026-2030	Báo cáo rà soát

STT	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm đầu ra
				cơ quan, đơn vị có liên quan		
17	Xây dựng phương án phát triển trung tâm logistics theo quy hoạch.	Khoản 2 Điều 7	Sở Công Thương	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Xây dựng; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030	Phương án
18	Xây dựng mạng lưới trung chuyển hàng hóa đô thị.	Khoản 3 Điều 7	Sở Xây dựng	Sở Công Thương; Công an Thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030	Phương án
19	Triển khai mô hình giao nhận hàng hóa không tiếp xúc.	Khoản 4 Điều 7	Sở Công Thương	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030	Kế hoạch triển khai
20	Rà soát, bố trí các điểm trung chuyển, điểm dừng, đỗ cho phương tiện vận tải hàng hóa sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường.	Khoản 5 Điều 7	Sở Xây dựng	Sở Công Thương; Công an Thành phố; UBND các xã, phường	2027-2030	Danh sách các điểm trung chuyển, điểm dừng, đỗ
21	Rà soát, cập nhật và tổ chức triển khai các nội dung về quản lý nhu cầu giao thông, phân vùng hoạt động phương tiện cơ giới đường bộ, phương án tổ chức giao thông theo phân vùng, thí điểm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân và thu phí giảm ùn tắc giao thông theo Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND và quy định của pháp luật; bảo đảm kế thừa, lồng ghép với các nhiệm vụ đã được UBND Thành phố giao tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025. <i>(Kế thừa nhiệm vụ số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017; lồng ghép với nhóm nhiệm vụ quản lý nhu cầu giao thông tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025)</i>	Khoản 1, Khoản 3 Điều 8	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030	Đề án/phương án/báo cáo theo từng nội dung được cấp có thẩm quyền giao

STT	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm đầu ra
22	Quy định khung giờ cao điểm, ngoài giờ cao điểm đối với từng loại phương tiện cơ giới đường bộ theo quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ đảm bảo phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường.	Khoản 3 Điều 8	Sở Xây dựng	Công an Thành phố; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026	Quyết định
23	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội, môi trường trước khi triển khai các giải pháp hạn chế phương tiện cá nhân, đảm bảo phù hợp điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông, năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng, khả năng tiếp cận của người dân và yêu cầu bảo vệ môi trường. <i>(Kế thừa định hướng tại nhiệm vụ số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/9/2017; cụ thể hóa yêu cầu đánh giá tác động trước khi triển khai các giải pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân).</i>	Khoản 3 Điều 8	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành Thành phố; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trước khi triển khai	Báo cáo đánh giá
24	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành vận tải và triển khai các chính sách của Nghị quyết trên cơ sở các hệ thống, cơ sở dữ liệu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. <i>(Lồng ghép với nhóm nhiệm vụ giao thông thông minh, cơ sở dữ liệu dùng chung tại Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 07/12/2025).</i>	Điều 9	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng; Công an Thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu; báo cáo kết quả thực hiện
25	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch; tham mưu UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách theo quy định.	Điều 9	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành Thành phố; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm; sơ kết năm 2028; tổng kết năm 2030	Báo cáo kiểm tra; báo cáo sơ kết; báo cáo tổng kết